

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

- Mã chứng khoán: QNP

- Địa chỉ/Address: 02-Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại liên hệ: (0256) 3892363

Fax: (0256) 3891783

- E-mail: info@quynhonport.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Công bố Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bao gồm:

+ Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán;

+ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.

- Công bố công văn số 286 /QNP-TCKT ngày 28/02/2025 về việc giải trình biến lợi nhuận sau thuế năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn vào ngày 28/02/2025 tại đường dẫn <https://www.quynhonport.vn/quan-he-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Cty;
- Ban TGD (để b/c);
- Lưu VT, TCKT, NPTQTCT.



NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Lê Hồng Quân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUY NHƠN**

Số: 286 /QNP-TCKT

“V/v giải trình biến động lợi nhuận
sau thuế năm 2024”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn gửi đến Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn xin giải trình về biến động lợi nhuận sau trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 so với năm 2023 như sau:

Đvt: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tăng/giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ %
1	Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng đã được kiểm toán	124.781.471.376	102.157.714.110	22.623.757.266	22,1%
2	Lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất đã được kiểm toán	128.187.658.057	115.162.604.705	13.025.053.352	11,3%

1. Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán:

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán tăng hơn 22,6 tỷ đồng, tương ứng tăng 22,1% so với cùng kỳ năm 2023.

Nguyên nhân:

- Doanh thu thuần bán hàng cung cấp dịch vụ tăng hơn 145,8 tỷ đồng, tương đương tăng 27,4% so cùng kỳ năm 2023.

2. Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán:

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán tăng hơn 13 tỷ đồng, tương ứng tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Nguyên nhân chính của tăng lợi nhuận sau thuế năm 2024 đã được giải trình ở mục 1 của văn bản này.

Trên đây là giải trình các nguyên nhân tăng giảm lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán so với cùng kỳ năm 2023.

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trân trọng kính báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Hồng Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch	
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên	Miễn nhiệm từ 12/04/2024
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên	
Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	
Ông Đặng Huy Cường	Thành viên	Bổ nhiệm từ 12/04/2024

Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Tuấn Nam	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Diệp	Kiểm soát viên
Bà Phan Thị Mai	Kiểm soát viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Hồng Quân	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Liên Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Vũ Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng: sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Hồng Quân
Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (Sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24/02/2025, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số:
1395-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		643.918.961.269	602.414.440.592
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	93.717.709.684	237.563.301.771
Tiền	111		22.017.709.684	68.063.301.771
Các khoản tương đương tiền	112		71.700.000.000	169.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	267.800.000.000	138.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		267.800.000.000	138.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		241.993.853.004	161.518.457.939
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	159.712.002.309	151.229.608.392
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		79.625.654.396	10.377.234.696
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	7.938.261.176	5.361.049.421
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.282.064.877)	(5.449.434.570)
Hàng tồn kho	140		23.217.160.121	21.049.291.353
Hàng tồn kho	141	10	23.217.160.121	21.049.291.353
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.190.238.460	43.783.389.529
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	12.232.396.406	13.914.367.051
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.957.842.054	17.958.640.440
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	11.910.382.038
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		680.261.007.269	664.726.682.423
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.348.273.000	7.348.273.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	7.348.273.000	7.348.273.000
Tài sản cố định	220		604.575.139.157	533.091.643.907
Tài sản cố định hữu hình	221	15	603.528.503.836	531.791.362.958
- Nguyên giá	222		1.614.895.498.190	1.499.059.764.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.011.366.994.354)	(967.268.401.702)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.046.635.321	1.300.280.949
- Nguyên giá	228		9.554.267.711	8.986.577.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.507.632.390)	(7.686.296.762)
Tài sản dở dang dài hạn	240		40.222.228.363	79.939.436.018
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	40.222.228.363	79.939.436.018
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	18.000.000.000	31.289.887.592
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	13.289.887.592
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18.000.000.000	18.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		10.115.366.749	13.057.441.906
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.115.366.749	13.057.441.906
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.324.179.968.538	1.267.141.123.015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		443.984.481.752	437.183.404.286
Nợ ngắn hạn	310		209.363.084.640	221.958.640.633
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	93.006.819.516	148.803.282.395
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.962.972.478	4.017.364.815
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	13.718.902.427	11.378.467.940
Phải trả người lao động	314		55.413.447.684	47.541.144.964
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.446.666.754	2.601.320.151
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	241.181.364	1.371.424.291
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	30.000.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.573.094.417	6.245.636.077
Nợ dài hạn	330		234.621.397.112	215.224.763.653
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	234.621.397.112	215.224.763.653
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		880.195.486.786	829.957.718.729
Vốn chủ sở hữu	410	21	880.195.486.786	829.957.718.729
Vốn góp của chủ sở hữu	411		404.099.500.000	404.099.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		404.099.500.000	404.099.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		340.728.436.464	288.533.873.176
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		135.367.550.322	137.324.345.553
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.179.892.265	22.161.740.848
- LNST chưa phân phối năm này	421b		128.187.658.057	115.162.604.705
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.324.179.968.538	1.267.141.123.015

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Thị Phượng Linh
Người lập biểu

Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng



Lê Hồng Quân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.165.259.415.905	942.356.041.990
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	7.650.701.633	3.917.994.059
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.157.608.714.272	938.438.047.931
Giá vốn hàng bán	11	25	885.328.939.381	724.767.066.227
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		272.279.774.891	213.670.981.704
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	21.051.745.456	27.812.039.994
Chi phí tài chính	22	27	19.437.598.338	5.487.958.863
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.259.466.778	5.383.242.942
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	3.576.516.291
Chi phí bán hàng	25	28	19.552.133.676	15.677.219.721
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	90.663.788.490	80.146.915.072
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		163.677.999.843	143.747.444.333
Thu nhập khác	31	30	1.062.251.097	1.089.440.630
Chi phí khác	32	31	1.628.671.730	497.091.330
Lợi nhuận khác	40		(566.420.633)	592.349.300
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		163.111.579.210	144.339.793.633
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	34.923.921.153	29.177.188.928
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		128.187.658.057	115.162.604.705
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		128.187.658.057	115.162.604.705
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.172	2.121

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2025


Nguyễn Thị Phụng Linh
 Người lập biểu


Nguyễn Kim Toàn
 Kế toán trưởng


Lê Hồng Quân
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		163.111.579.210	144.339.793.633
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		49.656.057.668	41.366.342.567
Các khoản dự phòng	03		(167.369.693)	(53.112.683.074)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(110.197.629)	91.270.309
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(18.842.358.714)	(30.101.208.254)
Chi phí lãi vay	06		18.259.466.778	5.383.242.942
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		211.907.177.620	107.966.758.123
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(11.301.937.146)	(17.251.957.640)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(2.167.868.768)	3.544.089.531
Tăng giảm các khoản phải trả	11		22.677.143.471	5.591.520.702
Tăng giảm chi phí trả trước	12		4.624.045.802	(13.624.705.168)
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.212.589.841)	(5.083.387.195)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(33.481.843.023)	(25.302.933.463)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(32.130.491.660)	(23.120.248.998)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		141.913.636.455	32.719.135.892
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(190.338.337.236)	(239.647.977.604)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		3.392.736.703	61.759.507
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(503.800.000.000)	(248.400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		374.500.000.000	417.900.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		13.289.887.592	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.267.475.513	28.318.643.409
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(286.688.237.428)	(41.767.574.688)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		56.896.633.459	215.224.763.653
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.500.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48.484.428.000)	(48.478.932.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		912.205.459	166.745.831.653
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(143.862.395.514)	157.697.392.857
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		237.563.301.771	79.921.975.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		16.803.427	(56.066.250)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	93.717.709.684	237.563.301.771

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Thị Phượng Linh
Người lập biểu

Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng



Lê Hồng Quân
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn có 100% vốn Nhà nước cấp, theo Quyết định số 804/QĐ-HDQT ngày 31/10/2009 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 25/12/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28/07/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 404.099.500.000 VND.

Công ty có trụ sở tại: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 769 người (tại 01/01/2024 là 761 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu ra biển;
- Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, Đại lý vận tải hàng hóa; Đại lý tàu biển; Đại lý vận tải thủy bộ; Vận tải đa phương thức;
- Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu;
- Gia công cơ khí, sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, sửa chữa phương tiện vận tải bộ, sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- San lấp mặt bằng, xây dựng, sửa chữa cầu cảng;
- Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất đồ gỗ;
- Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực thực phẩm cho tàu biển.

Các đơn vị thành viên trực thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
2.	Xí nghiệp sửa chữa Cơ Khí - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

Công ty liên kết: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

1.3 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có một Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 là:

Công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2024 (%)	Trụ sở
Công ty TNHH MTV Logistics Cảng Quy Nhơn	50.000	100%	Số 05 Nguyễn Dữ, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định..

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG, KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3.3 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con. Các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư giữa Công ty mẹ và công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

Giá trị khoản mục đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 30
- Máy móc, thiết bị	03 - 12
- Phương tiện vận tải	04 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
- Phần mềm quản lý	03 - 08

Nguyên giá tài sản cố định đầu tư xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành. Khi quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính và giá trị quyết toán, Công ty sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà không phải điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định trên cơ sở lấy giá trị quyết toán tài sản cố định được phê duyệt trừ (-) số đã trích khấu hao đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản cố định chia (:) thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định theo quy định.

4.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Giá trị khoản mục đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các đơn vị phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc ghi nhận các khoản phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

4.11 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho kỳ hiện tại là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, các công ty con cùng Tổng Công ty, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	570.488.831	863.587.785
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.447.220.853	67.199.713.986
- Các khoản tương đương tiền	71.700.000.000	169.500.000.000
	93.717.709.684	237.563.301.771

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	267.800.000.000	138.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	267.800.000.000	138.500.000.000
	267.800.000.000	138.500.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2024: là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có tổng giá trị 267.800.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 3,9%/năm đến 5,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	31/12/2024				01/01/2024			
	Giá trị VND		Dự phòng VND		Giá trị VND		Dự phòng VND	
Phải thu của khách hàng ngắn hạn								
- Công ty TNHH Maersk Việt Nam	159.712.002.309		(5.282.064.877)		151.229.608.392		(5.449.434.570)	
- Công ty Cổ phần Nguyễn Anh	10.561.674.714		(25.191.301)		9.563.162.165		-	
- Công ty TNHH Đức Hải	14.180.200		-		1.114.375.608		-	
- Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế	1.211.352.251		-		997.624.955		-	
- Công ty CP ĐT Quốc tế và XNK DHT	31.182.895		-		808.005.223		-	
- Chi nhánh Công ty CP ĐT Quốc tế và XNK DHT	3.374.301.114		-		1.028.452.867		-	
- Công ty CP CMA CGM Việt Nam	8.051.330.447		-		5.849.233.664		-	
- Công ty TNHH MSC Việt Nam	-		-		1.146.347.926		-	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.511.398.644		-		6.221.566.034		-	
	130.956.582.044		(5.256.873.576)		124.500.839.950		(5.449.434.570)	
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	2.118.721.884		(140.287.983)		3.131.697.916		(140.287.983)	
- Công ty Cổ phần Vận Tải Biển VIMC	-		-		2.991.409.933		-	
- Công ty Cổ phần Vinaline Nha Trang	140.287.983		(140.287.983)		140.287.983		(140.287.983)	
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	1.978.433.901		-		-		-	
8. NỢ XẤU								
Công ty Cổ phần Vinaline Nha Trang	140.287.983		-		140.287.983		-	
Công ty Cổ phần nhựa đường Minh Đạt	1.124.802.348		-		1.124.802.348		-	
HTX Vận tải ô tô Bình Minh	86.207.802		-		176.207.802		-	
Công ty CP N.Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội Kinh Bắc	349.244.506		-		349.244.506		-	
Doanh nghiệp tư nhân Phú Lợi	240.604.738		-		240.604.738		-	
Công ty TNHH Sông Kôn	1.360.888.074		539.983.116		1.360.888.074		812.160.730	
Công ty TNHH TM XNK Hoàng Ngọc	769.235.414		384.617.707		769.235.414		538.464.790	
Các đối tượng khác	4.006.680.691		1.871.285.856		3.422.575.388		783.786.163	
	8.077.951.556		2.795.886.679		7.583.846.253		2.134.411.683	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	7.938.261.176	-	5.361.049.421	-
- Bảo hiểm xã hội	565.451.152	-	487.835.312	-
- Bảo hiểm y tế	106.022.091	-	91.639.221	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	70.681.394	-	60.979.414	-
- Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.436.000.000	-	116.000.000	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	5.466.781.565	-	4.375.142.871	-
- Phải thu khác	69.748.974	-	32.455.923	-
- Tạm ứng	223.576.000	-	196.996.680	-
Dài hạn	7.348.273.000	-	7.348.273.000	-
- Ký cược, ký quỹ	7.348.273.000	-	7.348.273.000	-
	15.286.534.176	-	12.709.322.421	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	20.195.304.407	-	16.237.032.407	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.663.047.493	-	3.383.874.974	-
- Hàng hoá	1.358.808.221	-	1.428.383.972	-
	23.217.160.121	-	21.049.291.353	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	12.232.396.406	13.914.367.051
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.268.501.293	824.745.080
- Chi phí mua bảo hiểm	198.386.284	118.855.789
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.765.508.829	12.970.766.182
Chi phí trả trước dài hạn	10.115.366.749	13.057.441.906
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	198.697.220	850.111.540
- Chi phí thực hiện di dời giải phóng mặt bằng	3.991.397.843	11.236.559.137
- Các khoản khác	5.925.271.686	970.771.229
	22.347.763.155	26.971.808.957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2024	8.986.577.711	8.986.577.711
- Mua trong năm	567.690.000	567.690.000
31/12/2024	9.554.267.711	9.554.267.711
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2024	7.686.296.762	7.686.296.762
- Khấu hao trong năm	821.335.628	821.335.628
31/12/2024	8.507.632.390	8.507.632.390
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2024	1.300.280.949	1.300.280.949
31/12/2024	1.046.635.321	1.046.635.321

Tại 31/12/2024: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 7.269.200.000 VND. (Tại ngày 01/01/2024 là 4.981.940.000 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Xây dựng cơ bản	40.222.228.363	79.939.436.018
- Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp bến số 1 Cảng Quy Nhơn	-	73.258.538.517
- Dự án Mua sắm thiết bị khai thác container	36.774.263.422	-
- Các công trình khác	3.447.964.941	6.680.897.501
	40.222.228.363	79.939.436.018

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Đầu tư vào đơn vị khác	18.000.000.000	18.000.000.000
	18.000.000.000	18.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	-	-	7.608.000.000	13.289.887.592
	-	-	7.608.000.000	13.289.887.592

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty tại ngày 31/12/2024 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	Số 03 Nguyễn Dữ, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	16,68%	16,68%	Kinh doanh xếp dỡ kho bãi, vận chuyển đường biển

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	954.549.070.629	189.476.750.666	344.127.357.488	10.906.585.877	1.499.059.764.660
Đầu tư xây XDCB hoàn thành	80.235.972.470	-	-	-	80.235.972.470
Mua trong năm	-	10.679.120.573	26.755.614.359	2.906.032.389	40.340.767.321
Thanh lý, nhượng bán	(2.114.078.573)	(36.396.327)	(2.590.531.361)	-	(4.741.006.261)
31/12/2024	1.032.670.964.526	200.119.474.912	368.292.440.486	13.812.618.266	1.614.895.498.190
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	548.387.106.976	99.078.926.994	313.130.074.409	6.672.293.323	967.268.401.702
Khấu hao trong năm	21.885.986.003	15.558.622.385	9.630.973.836	1.759.139.816	48.834.722.040
Thanh lý, nhượng bán	(2.109.201.700)	(36.396.327)	(2.590.531.361)	-	(4.736.129.388)
31/12/2024	568.163.891.279	114.601.153.052	320.170.516.884	8.431.433.139	1.011.366.994.354
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	406.161.963.653	90.397.823.672	30.997.283.079	4.234.292.554	531.791.362.958
31/12/2024	464.507.073.247	85.518.321.860	48.121.923.602	5.381.185.127	603.528.503.836

Tại 31/12/2024:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 820.613.624.219 VND; (tại ngày 01/01/2024 là: 799.855.484.723 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay: 423.198.353.527 VND; (tại ngày 01/01/2024 là: 359.131.779.496 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	93.006.819.516	93.006.819.516	148.803.282.395	148.803.282.395
- Công ty TNHH vận tải và thương mại Phúc Vinh	2.677.048.250	2.677.048.250	6.054.023.706	6.054.023.706
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình thủy	-	-	35.809.751.347	35.809.751.347
- Công ty TNHH MTV Phúc Trường Linh	3.356.957.038	3.356.957.038	3.208.680.000	3.208.680.000
- Công ty cổ phần xây dựng công trình Thủy Hà Nội	-	-	12.055.008.865	12.055.008.865
- Công ty TNHH xây dựng Mỹ Đà	-	-	14.370.520.915	14.370.520.915
- Công ty TNHH Tổng hợp và Thương mại Quang Minh	3.006.433.144	3.006.433.144	5.057.113.837	5.057.113.837
- Các đối tượng khác	83.966.381.084	83.966.381.084	72.248.183.725	72.248.183.725
	93.006.819.516	93.006.819.516	148.803.282.395	148.803.282.395
	3.520.176.003	3.520.176.003	531.871.710	531.871.710
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	157.926.462	157.926.462
- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	307.030.500	307.030.500	359.100.000	359.100.000
- Công ty cổ phần VIMC Logistics	125.000.000	125.000.000	-	-
- Ban QLDA chuyên ngành Hàng hải - CN TCT Hàng hải Việt Nam - CTCP	2.888.748.900	2.888.748.900	-	-
- Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	141.096.603	141.096.603	14.845.248	14.845.248
- Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải	58.300.000	58.300.000	-	-
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Thương Mại Dịch Vụ Cảng Sài Gòn	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	11.378.467.940	44.035.552.637	41.695.118.150	13.718.902.427
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	269.822.421	3.872.968.107	3.737.986.834	404.803.694
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.825.170.435	34.923.921.153	33.481.843.023	12.267.248.565
- Thuế thu nhập cá nhân	283.475.084	5.230.663.377	4.467.288.293	1.046.850.168
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		8.000.000	8.000.000	-
Phải thu	11.910.382.038	39.800.669.842	27.890.287.804	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	11.910.382.038	39.800.669.842	27.890.287.804	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	6.446.666.754	2.601.320.151
- Chi phí vận chuyển	5.905.934.070	2.171.464.404
- Chi phí phải trả khác	540.732.684	429.855.747
	6.446.666.754	2.601.320.151

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	241.181.364	1.371.424.291
- Kinh phí công đoàn	142.621.266	147.126.193
- Cổ tức phải trả cổ đông	98.560.098	91.048.098
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	1.133.250.000
+ Tiền tạm thu (*)	-	1.133.250.000

(*): Ngày 09/9/2024, Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn nhận được Quyết định Giám đốc thẩm số 06/2024/KDTM-GĐT ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng vay tài sản, trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, buộc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long số tiền gốc là 1.133.250.000 đồng và tiền lãi là 707.314.000 đồng; tổng cộng là 1.840.564.000 đồng. Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã hoàn tất nghĩa vụ nợ theo Quyết định của Tòa án.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN, DÀI HẠN

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả	30.000.000.000	30.000.000.000	37.500.000.000	7.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	37.500.000.000	7.500.000.000	-	-
Vay dài hạn	234.621.397.112	234.621.397.112	56.896.633.459	37.500.000.000	215.224.763.653	215.224.763.653
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*)	225.542.512.983	225.542.512.983	47.817.749.330	37.500.000.000	215.224.763.653	215.224.763.653
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	9.078.884.129	9.078.884.129	9.078.884.129	-	-	-
(**)						
	264.621.397.112	264.621.397.112	94.396.633.459	45.000.000.000	215.224.763.653	215.224.763.653

- (*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/2736121/HĐTD ký ngày 03/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“Bên vay”) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Bên cho vay”), với các điều khoản chi tiết như sau:
 - Hạn mức tín dụng: 327.828.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ (bao gồm cả lãi vay trong thời gian thi công) đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn;
 - Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - Số tiền giải ngân hợp đồng vay thực hiện là : 263.042.512.983 đồng; nợ dài đến hạn trả là: 30.000.000.000 đồng.
- Tài sản đảm bảo là tài sản cụ thể như sau:
- Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn chủ sở hữu và vốn vay tại Dự án, bao gồm tài sản trên đất (công trình, nhà xưởng) hình thành trên Khu Đất và máy móc thiết bị (nếu có) được Bên Vay thế chấp cho Bên Cho Vay theo Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản và/hoặc các Hợp đồng thế chấp khác phù hợp với hình thái hình thành của tài sản trong tương lai.
- Các quyền tài sản, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ Dự án (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền thụ hưởng số tiền bảo hiểm; quyền thụ hưởng bảo lãnh; quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ, quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này, các quyền và lợi ích khác, các khoản bồi hoàn... phát sinh từ Hợp đồng thuê đất, Hợp đồng xây dựng, Hợp đồng cung cấp dịch vụ, mua sắm máy móc thiết bị và các Hợp đồng khác có liên quan đến Dự án) được Bên Vay thế chấp cho Bên Cho Vay theo Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản.
- Các Tài Khoản, các quyền tài sản (kể cả quyền theo các Chấp Thuận) và các quyền theo hợp đồng (kể cả quyền theo Các Văn Kiện Dự Án) (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Bên Vay thuộc Dự Án theo Hợp đồng thế chấp động sản và Quyền tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN, DÀI HẠN (TIẾP)

- (**) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/2736121/HĐTD ký ngày 05/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“Bên vay”) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Bên cho vay”), với các điều khoản chi tiết như sau:
- Hạn mức tín dụng: 47.415.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ (bao gồm cả lãi vay trong thời gian thi công) đầu tư thực hiện Dự án Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 1);
- Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Thời hạn ân hạn gốc với khoản vay tối đa là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không quá 06 tháng kể từ thời điểm phát sinh doanh thu từ Dự án.

Tài sản đảm bảo là tài sản cụ thể như sau:

- Khu đất có diện tích 38.277,3m2 tại phường Hải Cảng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 758593, số vào sổ cấp GCN CT17597 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 29/6/2022 được giao cho Bên thế chấp để thực hiện Dự án: Mở rộng Cảng Quy Nhơn: hạng mục kho chứa hàng, bãi hàng, bãi container, khu hạ tầng kỹ thuật Cảng, cây xanh.
- Các công trình hiện tại của Dự án được tọa lạc tại hoặc với Khu đất và bất kỳ tòa nhà công trình xây dựng, công trình nâng cấp nào khác và các bất động sản nào khác được xây dựng, mua và/hoặc gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại hoặc Khu đất và/hoặc trong phạm vi Khu đất và/hoặc liên quan đến Dự án.
- Các giấy tờ về đất; Toàn bộ máy móc thiết bị, nội thất, đồ đạc, phương tiện và các động sản khác liên quan đến Dự án phục vụ cho hoạt động của Dự án mà bên thế chấp hiện đang hoặc sẽ sở hữu...
- Theo hợp đồng Thế chấp bất động sản số 01/2024/2736121/HĐDBH ngày 5/12/2024; Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 02/2024/2736121/HĐDBĐ ngày 5/12/2024 giữa BIDV Chi nhánh Bình Định và Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****21.1. CHI TIẾT GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
+ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	303.122.620.000	303.122.620.000
+ Các cổ đông khác	100.976.880.000	100.976.880.000
	404.099.500.000	404.099.500.000

21.2. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
+ Vốn góp đầu năm	404.099.500.000	404.099.500.000
+ Vốn góp cuối năm	404.099.500.000	404.099.500.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	48.491.940.000	48.491.940.000

21.3. CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	40.409.950	40.409.950
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.409.950	40.409.950
+ Cổ phiếu phổ thông	40.409.950	40.409.950
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.409.950	40.409.950
+ Cổ phiếu phổ thông	40.409.950	40.409.950
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

21.4. CÁC QUỸ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	340.728.436.464	288.533.873.176

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21.5. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	404.099.500.000	275.392.693.176	97.374.290.848	776.866.484.024
- Lãi trong năm	-	-	115.162.604.705	115.162.604.705
- Chia cổ tức	-	-	(48.491.940.000)	(48.491.940.000)
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(417.000.000)	(417.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(13.162.430.000)	(13.162.430.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	13.141.180.000	(13.141.180.000)	-
31/12/2023	404.099.500.000	288.533.873.176	137.324.345.553	829.957.718.729
01/01/2024	404.099.500.000	288.533.873.176	137.324.345.553	829.957.718.729
- Lãi trong năm	-	-	128.187.658.057	128.187.658.057
- Chia cổ tức	-	-	(48.491.940.000)	(48.491.940.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	-	(609.000.000)	(609.000.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(28.848.950.000)	(28.848.950.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	52.194.563.288	(52.194.563.288)	-
31/12/2024	404.099.500.000	340.728.436.464	135.367.550.322	880.195.486.786

(*) Thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHCD ngày 12/04/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để thuê các lô đất tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm, như sau:

Số hợp đồng	Diện tích	Thời hạn	Mục đích
HĐ số 54/HĐ-TĐBS ngày 10/04/2020	209.888,05 m ²	Từ 01/01/1996 đến 31/12/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng văn phòng làm việc và dịch vụ
HĐ số 293/HĐ-TĐBS ngày 28/11/2023	3843,3 m ²	Từ 22/08/2002 đến 01/01/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
HĐ số 307/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	35.937,3 m ²	Từ 19/11/2001 đến 19/11/2051, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng, phát triển Cảng Quy Nhơn
HĐ số 292/HĐ-TĐBS ngày 28/11/2023	36.500,4 m ²	Từ 13/04/2006 đến 13/04/2056, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng, phát triển Cảng Quy Nhơn
HĐ số 19/HĐTĐ ngày 24/01/2019	813,3 m ²	Từ 01/11/2013 đến 13/04/2056, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm cấp nước tàu biển
HĐ số 85/HĐTĐ ngày 20/05/2022	16.800 m ²	Từ 14/09/2021 đến 01/01/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
HĐ số 159/HĐTĐ ngày 29/06/2022	38.277,3 m ²	Từ 14/09/2021 đến 01/01/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng Quy Nhơn

Theo các hợp đồng thuê đất này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- USD	106.152,09	202.522,87

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.165.259.415.905	942.356.041.990
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	898.482.075.126	717.180.262.355
- Doanh thu bán hàng	266.777.340.779	225.175.779.635
	1.165.259.415.905	942.356.041.990

Doanh thu với các bên liên quan

38.240.101.485

26.687.539.989

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.650.701.633	3.917.994.059
+ Chiết khấu thương mại	7.650.701.633	3.917.994.059

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	632.428.617.418	510.512.165.397
- Giá vốn hàng hóa đã bán	252.900.321.963	214.254.900.830
	885.328.939.381	724.767.066.227
Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)</i>	73.567.540.759	36.079.782.578

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.939.921.397	22.862.932.456
- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ đầu tư khác	3.600.000.000	3.600.000.000
- Lãi do thoái vốn	1.110.112.408	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.291.514.022	1.349.107.538
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	110.197.629	-
	21.051.745.456	27.812.039.994

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	18.259.466.778	5.383.242.942
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	913.872.301	13.445.612
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	91.270.309
- Chi phí tài chính khác	264.259.259	-
	19.437.598.338	5.487.958.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	90.663.788.490	80.146.915.072
- Chi phí nhân viên quản lý	47.928.891.612	44.448.436.824
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.281.065.242	1.096.369.212
- Chi phí thuế, phí, lệ phí, thuê đất	8.510.542.935	4.111.472.572
- Chi phí dự phòng	601.886.732	558.498.460
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	3.662.338.678	5.042.582.865
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.882.842.097	19.318.023.261
- Chi phí quản lý khác	1.796.221.194	5.571.531.878
b. Các khoản chi phí bán hàng	19.552.133.676	15.677.219.721
- Chi phí nhân công	13.475.734.888	11.439.495.285
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.639.831.598	3.256.733.125
- Hoa hồng môi giới	2.436.567.190	980.991.311

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên liệu vật liệu	54.405.270.964	52.405.510.579
- Chi phí nhân công	229.784.782.843	191.147.540.117
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	10.347.278.620	8.460.849.629
- Chi phí khấu hao TSCĐ	49.656.057.668	41.366.342.567
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	347.082.917.734	284.198.736.512
- Chi phí thuế, phí, lệ phí, thuê đất	39.808.669.842	17.280.097.243
- Chi phí bằng tiền khác	9.236.847.700	12.511.186.891
- Trích lập dự phòng	601.886.732	558.498.460
	740.923.712.103	607.928.761.998

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	456.584.168	61.759.507
- Thu tiền bồi thường, thưởng	258.266.961	1.011.650.095
- Các khoản khác	347.399.968	16.031.028
	1.062.251.097	1.089.440.630

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Các khoản khác (bồi thường, phạt, khác)	1.628.671.730	497.091.330
	1.628.671.730	497.091.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	32.249.157.990	26.528.939.266
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty con	2.674.763.163	2.648.249.662
	34.923.921.153	29.177.188.928

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	128.187.658.057	115.162.604.705
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(29.457.950.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(29.457.950.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	128.187.658.057	85.704.654.705
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.409.950	40.409.950
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.172	2.121

(*): Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 đã được điều chỉnh lại do việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành đã được phê duyệt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHCD ngày 12/04/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được trình bày lại là 2.121 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày là 2.850 đồng/cổ phiếu).

34. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

35. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Giao dịch với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu từ bên liên quan		38.240.101.485	26.687.539.989
- Công ty Vận tải Biển VIMC - CN TCT Hàng hải Việt Nam - CTCP	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ	7.964.478.182	11.902.393.606
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Công ty là cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	69.774.000	53.334.400
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosa Quy Nhơn)	Cùng công ty mẹ	24.939.297.890	14.728.311.983
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	Cùng công ty mẹ	4.835.797.238	-
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Cùng công ty mẹ	430.754.175	-
- Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ Vosco	Công ty liên kết của công ty cùng công ty mẹ	-	3.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng từ bên liên quan		73.567.540.759	36.079.782.578
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ	3.183.001.490	4.113.629.020
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Công ty là cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	31.857.210.000	30.091.870.400
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - CN Đà Nẵng (Vosa Đà Nẵng)	Cùng công ty mẹ	-	6.300.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải	Công ty liên kết	255.761.436	114.169.158
- Ban QLDA chuyên ngành Hàng hải - CN TCT Hàng hải Việt Nam - CTCP	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ	992.647.741	1.753.814.000
- Công ty Vận tải Biển VIMC - CN TCT HHVN - CTCP	Đơn vị phụ thuộc công ty mẹ	11.111.112	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	Cùng công ty mẹ	791.482.151	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc Tế SP-PSA	Công ty liên kết của Công ty mẹ	36.202.126.829	-
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Công ty liên kết của Công ty mẹ	200.660.000	-
- CN Công ty CP Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận	Công ty liên kết của Công ty mẹ	20.540.000	-
- Công ty CP Kỹ thuật TMDV Cảng Sài Gòn	Công ty liên kết của Công ty mẹ	53.000.000	-
Cổ tức lợi nhuận được chia		3.600.000.000	3.599.604.000
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Công ty là cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	3.600.000.000	3.599.604.000

Thu nhập của thành viên Ban điều hành

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	192.000.000	90.000.000
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.233.982.413	923.622.440
Ông Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/05/2023)	-	90.000.000
Ông Phan Tuấn Linh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 12/04/2024)	30.000.000	120.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/05/2023)	-	60.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT chuyên trách	635.916.484	692.643.332
Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên HĐQT	120.000.000	144.000.000
Ông Đặng Huy Cường	Thành viên HĐQT	90.000.000	
Ông Hồ Liên Nam	Phó Tổng Giám đốc	899.244.482	670.740.099
Ông Trần Vũ Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc	899.244.482	670.740.099
Ông Đặng Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 29/11/2023)	899.244.482	61.301.173
Ông Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng	865.270.497	631.964.221
Ông Đỗ Tuấn Nam	Trưởng Ban kiểm soát (Bỏ nhiệm ngày 23/05/2023)	120.000.000	84.000.000
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 23/05/2023)	-	60.000.000
Bà Vũ Thị Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	96.000.000	120.000.000
Bà Phan Thị Mai	Thành viên Ban kiểm soát	96.000.000	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***36. THÔNG TIN KHÁC**

Vụ án tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“Cảng Quy Nhơn”) và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long (“Cửu Long”) đã diễn ra từ năm 2019, được giải quyết thông qua 04 phiên tòa tại Tòa án nhân dân (“TAND”) các cấp.

Từ ngày 21/04/2023 đến ngày 24/04/2023, Cục thi hành án dân sự Tỉnh Bình Định đã cưỡng chế khấu trừ trong tài khoản của Cảng Quy Nhơn số tiền 53.480.418.064 đồng để thi hành án theo quyết định 105/QĐ-CTHADS ngày 30/12/2022. Ngày 29/05/2023, Cảng Quy Nhơn đã nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo QĐ số 201/QĐ-CTHADS ngày 17/4/2023 số tiền 190.763.470 đồng.

Ngày 14/06/2023, Viện kiểm sát Nhân Dân tối cao đã ra quyết định số 02/QĐKNGĐT-VKS-KDTM về Kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án KDTM phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng theo hướng huỷ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 15/07/2022 của Tòa án nhân dân Tỉnh Bình Định; giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại theo đúng qui định pháp luật.

Ngày 10/01/2024, tại phiên tòa Giám đốc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao đã ra Quyết định số 05/2024/KDTM-GĐT chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 14/06/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Hủy bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 31/2022/KDTM-PT ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ” giữa Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long và Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Thương mại Vận tải Phúc Trường Linh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Ngày 23/01/2024, Toàn án nhân dân tỉnh Bình Định đã ra Thông báo số 05/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án Nguyên đơn Công ty TNHH Vận tải Biển Cửu Long và bị đơn Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Ngày 30/01/2024, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định đã ra Quyết định số 08/QĐ-CTHADS về việc đình chỉ thi hành án đối với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2025
Nguyễn Thị Phượng Linh
Người lập biểu
Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng
Lê Hồng Quân
Tổng Giám đốc